

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 26-3-2025

“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thanh Hoàn

ông Nguyễn Thế Căn

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên toà: ông Cao Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án *“Tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay”* thụ lý số: 55/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu A, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

- Anh Vũ Văn C, sinh năm 1978; nơi cư trú: khu A, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Vũ Văn C: chị Vũ Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu A, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 05/11/2024 số chứng thực: 170, quyển số: 01/2024/SCT/CK, ĐC) - có mặt.

2. Bị đơn:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn A, xã H, thành phố M - có mặt.

+ Chị Trần Thị T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu H, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và

tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày: ngày 07/7/2020 vợ chồng chị M, anh C cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/7/2024, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, đến ngày 07/7/2024 vợ chồng anh T, chị T1 chưa trả cho vợ chồng chị M, anh C số tiền còn nợ trên. Mặc dù, vợ chồng chị M, anh C nhiều lần yêu cầu anh T, chị T1 trả cho vợ chồng chị M nhưng anh T đều lấy lý do khó khăn chưa trả được và xin gia hạn đến ngày 11/9/2024 sẽ trả số tiền vay 200.000.000 đồng cho vợ chồng chị M (Giấy cam kết ngày 11/8/2024 có điểm chỉ, ký tên của anh Nguyễn Văn T). Nhưng đến nay vợ chồng anh T, chị T1 vẫn chưa trả số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng chị M. Nay chị M, anh C đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị T1 trả cho vợ chồng chị M, anh C số tiền 200.000.000 đồng và tính lãi suất 10%, từ ngày 11/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh Nguyễn Văn T thừa nhận anh và vợ là chị Trần Thị T1 có vay của vợ chồng chị M, anh C số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/7/2024, vay không lãi suất. Hai bên có thỏa thuận miệng là hằng tháng vợ chồng anh T sẽ trả cho vợ chồng chị M, anh C số tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng thông qua chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt, tính đến ngày 11/8/2024 vợ chồng anh T đã chuyển trả cho vợ chồng chị M tổng số tiền 213.950.000 đồng (có bảng sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP C1 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 25/9/2024, giữa: tài khoản số: 105868622749 đến tài khoản số: 106823256789). Nay chị M, anh C yêu cầu anh T, chị T1 trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 11/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng anh T có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M và anh C.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Trần Thị T1 trình bày: đúng như lời trình bày của anh T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ngày 07/7/2020 vợ chồng chị T1 có vay tiền của vợ chồng chị M, anh C số tiền 200.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/7/2024. Tuy nhiên, việc anh T vay số tiền trên để anh T sử dụng vào mục đích kinh doanh sửa chữa xe máy riêng của anh T mà chị T1 không được sử dụng gì đối với số tiền vay trên. Năm 2023, chị T1 và anh T ly hôn còn việc anh T ký Giấy cam kết xin gia hạn trả nợ ngày 11/8/2024 hoặc đã trả cho chị M, anh C thì chị T1 không biết. Vì vậy, chị T1 không liên quan gì đến khoản vay trên giữa anh T với chị M và anh C.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án đã lập biên bản và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T1, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đều thừa nhận ngày 07/7/2020 có vay của chị M, anh C số tiền 200.000.000 đồng, vay không lãi suất. Anh T cho rằng đã trả hết số tiền vay 200.000.000 đồng cho

chị M, anh C, có sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP C1 mà anh T đã cung cấp cho Tòa án nên anh T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị M, anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với quan điểm của bị đơn anh T, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M, anh C. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 phải trả cho nguyên đơn chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: ngày 07/7/2020 giữa chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C và anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1, đã xác lập quan hệ dân sự về việc vay, mượn tiền, có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận về lãi suất nên Tòa án xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về giao dịch vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bị kiện là anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 đều có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái. Vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự trong vụ án và việc xét xử vắng mặt đương sự: chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C khởi kiện anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1, nên căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn được xác định là chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C, bị đơn được xác định là anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 trong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Văn C vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho chị Vũ Thị M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Vũ Văn C.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị

đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 10%/năm, từ ngày 11/9/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 07/7/2020 có chữ ký của anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1, Giấy cam kết ngày 11/8/2024 có chữ viết, ký tên, điểm chỉ của anh T cũng như trong quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có vay của chị M, anh C số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), vay không lãi suất. Đây là chứng cứ theo quy định khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan điểm của bị đơn: quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T sao kê giao dịch tài khoản số 105868622749 đến tài khoản số 106823256789 của Ngân hàng TMCP C1 từ ngày 01/01/2019 đến nay 25/9/2024 cung cấp cho Tòa án để chứng minh bị đơn đã trả hết số tiền vay 200.000.000 đồng cho chị M, anh C. Hội đồng xét xử xét thấy ngày 07/7/2020 các bên mới xác lập quan hệ vay tài sản được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 07/7/2020 mà bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn từ ngày 01/01/2019 là không có căn cứ. Ngoài ra, còn phù hợp với Giấy cam kết trả nợ của bị đơn viết ngày 11/8/2024 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có nội dung anh T xin gia hạn đến 11/9/2024 sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho chị M, anh C. Do đó, quan điểm của bị đơn cho rằng đã trả hết cho nguyên đơn số tiền vay trên là mâu thuẫn với Giấy cam kết ngày 11/8/2024, nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với quan điểm của bị đơn chị Trần Thị T1 cho rằng chị không được sử dụng số tiền vay của chị M, anh C mà anh T đã sử dụng số tiền vay của chị M, anh C vào việc kinh doanh sửa chữa xe máy. Anh T cũng có quan điểm số tiền vay trên không liên quan đến chị T1 mà anh T có trách nhiệm trả cho chị M, anh C. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm vay tiền của chị M, anh C khi đó anh chị là vợ chồng và đều ký vào Giấy vay tiền ngày 07/7/2020, do đó chị T1 và anh T đều phải có trách nhiệm trả số tiền vay 200.000.000 đồng cho chị M và anh C. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị Thanh T3 số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Giấy cam kết trả nợ, anh T, chị T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên theo quy định tại Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về giao dịch vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn buộc bị đơn anh T, chị T1 trả lãi suất 10%/năm, đối với khoản vay 200.000.000 đồng, từ ngày 11/9/2024 là phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M, anh C đối với yêu cầu bị đơn anh T, chị T1 chịu trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm từ ngày 11/9/2024 đến ngày xét xử sơ

thảm (ngày 26/3/2025). Số tiền lãi được tính như sau: 200.000.000 đồng x 06 tháng 17 ngày x 10%/năm = 10.944.400 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi bị đơn anh T, chị T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 200.000.000 đồng + 10.944.400 đồng = 210.944.400 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận. Tuy nhiên, anh T và chị T1 đã ly hôn nên chia theo phần anh T, chị T1 mỗi người phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chị M, anh C là 105.472.200 đồng (một trăm linh năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/3/2025 là 5.472.200 đồng.

[3] Về án phí: do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 166; Điều 421; Điều 463; Điều 465; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay”.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 phải trả cho nguyên đơn chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C tổng số tiền là 210.944.400 đồng (hai trăm mười triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/3/2025 là 10.944.400 đồng. Chia theo phần buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 mỗi người phải trả cho nguyên đơn chị Vũ Thị M, anh Vũ Văn C là 105.472.200 đồng (một trăm linh năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/3/2025 là 5.472.200 đồng.

2. Về án phí: anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị T1 mỗi người phải nộp 5.273.610 đồng (năm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Vũ Thị M số tiền 5.062.000 đồng (năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002289 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyền kháng cáo: đương sự, người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm; đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Móng Cái;
- Chi cục THADS, TP. Móng Cái;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương